

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 08-10-2019

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Vũ

2. Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2019/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc tranh ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXX-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1981 (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Việt A, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ ấp L, xã V, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/5/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Việt A (sau đây gọi tắt là chị T, anh A) đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Thuận (nay thuộc huyện U Minh Thượng), tỉnh Kiên Giang vào ngày 18/9/2006. Vợ

chồng chung sống được 13 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trong thời gian chung sống, chị T và anh A đi làm thuê tại Bình Dương, anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, đến tháng 8/2017 thì anh A bỏ mặc vợ con theo người phụ nữ khác, từ đó đến nay vợ chồng không còn liên lạc. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 16/6/2003, giới tính nam và Nguyễn Thị Thảo Quyên, sinh ngày 20/6/2009, giới tính nữ (hiện 02 con đang sống với chị T). Vợ chồng ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Theo đơn khởi kiện chị T yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nhưng nhận thấy anh A không còn tình thương đối với vợ con, nên chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Việt A vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh A đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn của chị Nguyễn Thị Bích T, anh Nguyễn Việt A; bản sao sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Thảo Quyên, Nguyễn Khánh Duy và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 31/7/2019.

Bị đơn cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Việt A được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình giải quyết vụ án anh A không có yêu cầu phản tố. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Việt A.

[2]. Xét về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh A là hợp pháp. Theo chị T trình bày trong thời gian chung sống anh A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, bỏ mặc vợ con, từ đó chị T mới xin ly hôn. Việc anh A có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác cũng được chính quyền địa phương và UBND xã Vĩnh Hòa xác nhận là đúng.

Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A là không thể hàn gắn

vì hiện anh A đã bỏ theo người phụ nữ khác, nếu duy trì quan hệ hôn nhân cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX cho chị T được ly hôn với anh A.

[3]. Về con chung: Chị T và anh A được 02 người con chung. Tại bản tự khai ngày 29/8/2019, hai con chung của chị T và anh A có nguyện vọng được sống với mẹ. Nhận thấy, từ khi anh A bỏ đi đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dạy 02 con chung. Các con cũng đã lớn và có nguyện vọng được sống với mẹ. Hiện tại thu nhập của chị T cũng ổn định, đảm bảo nuôi 02 con chung. Do đó, HĐXX thống nhất giao 02 con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh A không phải cấp dưỡng nuôi con,

[4]. Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002934 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Việt A.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 16/6/2003, giới tính nam và Nguyễn Thị Thảo Quyên, sinh ngày 20/6/2009, giới tính nữ cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh A có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị T phải chịu án phí là 300.000 đồng,

được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0002934 ngày 28/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện U Minh Thượng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khanh